

CHƯƠNG TRÌNH

KHUYẾN NÔNG TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày..... tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển khuyến nông theo tư duy kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đẩy mạnh kết nối, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông, lâm và thủy sản góp phần tăng trưởng hàng năm ngành nông nghiệp bình quân khoảng 5-5,5%; cơ cấu giá trị gia tăng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 28,5 - 29%.

b) Trên 70% xã ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng mô hình khuyến nông giảm nghèo tạo sinh kế ổn định bền vững cho nông dân nghèo.

c) Tổ chức tập huấn, đào tạo, hội thảo chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cho 100% nhân lực khuyến nông và nông dân chuyên nghiệp.

d) Đa dạng hóa thông tin tuyên truyền, tập trung vào khuyến nông số để tăng khả năng tiếp cận thông tin của nông dân; 100% các mô hình được tuyên truyền; 100% các chuỗi ngành hàng chủ lực được tham gia thảo luận, trao đổi thông qua diễn đàn, hội thảo.

e) 100% các xã, phường, đặc khu Phú Quý triển khai thực hiện các mô hình khuyến nông theo tổ chức chính quyền 02 cấp thuộc lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản theo hướng an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, đa giá trị, tuần hoàn, hữu cơ ... đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn với quy mô lớn để tạo chuỗi liên kết giá trị, tăng hiệu quả kinh tế cho người dân.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

b) Nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Phạm vi thực hiện

Chương trình Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026-2030 được áp dụng tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong đó ưu tiên triển khai tại các vùng sản xuất tập trung, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác đào tạo và thông tin tuyên truyền

1.1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông cho cán bộ khuyến nông các cấp. Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, tổ chức sản xuất và liên kết thị trường cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Đào tạo chuyên sâu về kỹ năng phân tích thị trường, quản trị rủi ro và kỹ năng kết nối chuỗi giá trị liên tỉnh cho cán bộ tổ khuyến nông cộng đồng và hợp tác xã. Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm giữa các tổ khuyến nông cộng đồng, các doanh nghiệp, nông dân trong chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, ... giúp cán bộ, nông dân học tập các cách làm hay, các mô hình mới, tìm hiểu kết nối sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm. Tập trung nâng cao năng lực cho đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp và xây dựng học liệu khuyến nông, cụ thể:

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông.
- Học tập trao đổi kinh nghiệm.
- Tập huấn kỹ thuật cho nông dân.
- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực, bổ sung kiến thức chuyên môn cho Tổ khuyến nông cộng đồng.
- In ấn tài liệu kỹ thuật, sổ tay khuyến nông, số hóa tài liệu kỹ thuật.
- Xây dựng các video, clip, tài liệu kỹ thuật phục vụ đào tạo, thông tin tuyên truyền.

1.2. Thông tin tuyên truyền

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, giúp nông dân nắm bắt kịp thời chủ trương, chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường và các mô hình sản xuất hiệu quả, từ đó nâng cao nhận thức, thay đổi tập quán sản xuất, chủ động tham gia vào các chương trình phát triển nông nghiệp bền vững. Truyền thông về nông nghiệp và khuyến nông theo hình thức truyền thống và điện tử, cụ thể:

- Xây dựng bản tin Khuyến nông Lâm Đồng (bản số);
- Tổ chức tọa đàm tư vấn kỹ thuật;
- Tổ chức diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp;
- Tuyên truyền, hội thảo tổng kết các mô hình khuyến nông;
- Duy trì trang Web Khuyến nông Lâm Đồng;
- Ứng dụng chuyển đổi số trong công tác khuyến nông.

2. Xây dựng và nhân rộng mô hình khuyến nông

2.1. Lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp

Trong lĩnh vực trồng trọt và lâm nghiệp, trọng tâm là phát triển các mô hình sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, an toàn, chất lượng và bền vững, gắn với các sản phẩm chủ lực của tỉnh như rau, hoa, cà phê, chè, hồ tiêu, cây ăn quả đặc sản (thanh long, sầu riêng...), cây dược liệu và cây lâm sản ngoài gỗ. Toàn ngành đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa, công nghệ cao, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sử dụng tài nguyên; đồng thời thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính. Khuyến khích phát triển nông - lâm kết hợp, trồng xen cây lâm nghiệp, cây dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ và mô hình kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần nâng cao thu nhập, sinh kế bền vững cho người dân và thúc đẩy nông nghiệp sinh thái, tăng trưởng xanh.

- Sản xuất cây lương thực và cây hoa màu thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với tăng trưởng xanh và giảm phát thải. Ứng dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa và chuyển đổi số trong tất cả các khâu sản xuất; sử dụng tưới nước tiết kiệm, bón phân thông minh, quản lý dịch hại bằng công nghệ số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sử dụng tài nguyên, hướng tới nền nông nghiệp bền vững.

- Phát triển cây rau, hoa theo hướng an toàn, chất lượng và bền vững, khai thác hiệu quả tiềm năng địa phương và đáp ứng thị trường trong nước, xuất khẩu. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ cao, công nghệ thông minh như công nghệ IoT, tưới tiết kiệm, hệ thống giám sát tự động, giống mới thích ứng biến đổi khí hậu. Hình thành vùng sản xuất đạt chứng nhận (VietGAP, hữu cơ,...) phát triển chuỗi liên kết và thương hiệu rau, hoa đặc trưng, góp phần nâng cao giá trị và thúc đẩy nông nghiệp sinh thái, tăng trưởng xanh.

- Sản xuất cây công nghiệp dài ngày bền vững (cà phê, chè, hồ tiêu...) thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với tăng trưởng xanh và giảm phát thải. Ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật và công nghệ cao như tưới nước, bón phân thông minh, máy bay không người lái (drone), quản lý vườn bằng dữ liệu số, ... giúp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sử dụng tài nguyên. Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến và thị trường, phát triển chuỗi liên kết bền vững.

- Phát triển cây ăn quả theo hướng an toàn, chất lượng và hiệu quả, gắn với liên kết tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc. Ứng dụng quy trình VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, công nghệ cao trong giám sát sinh trưởng, tưới kết hợp cung cấp dinh dưỡng tự động, cảm biến môi trường... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị hàng hóa. Hình thành vùng chuyên canh gắn với du lịch sinh thái, thúc đẩy nông nghiệp bền vững.

- Sản xuất cây đặc sản, gia vị và cây dược liệu thành vùng nguyên liệu tập trung, gắn với chế biến, tiêu thụ và bảo tồn nguồn gen. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao trong nhân giống, sản xuất trồng trọt và quản lý vùng nguyên liệu; nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, tạo sinh kế ổn định và thúc đẩy nông nghiệp hàng hóa bền vững.

- Phát triển nông - lâm kết hợp và mô hình kinh tế dưới tán rừng thích ứng biến đổi khí hậu. Trồng cây lâm nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu, nấm... trên đất nông nghiệp hoặc dưới tán rừng. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ giám sát tài nguyên rừng, tưới tiết kiệm và giống mới để nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ đất, nước, duy trì đa dạng sinh học và tăng thu nhập bền vững cho người dân.

3.3. Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản

Xây dựng, nhân rộng các mô hình chăn nuôi các vật nuôi có lợi thế của tỉnh như bò sữa, bò thịt, dê, cừu, heo, gia cầm, tằm, ong mật, ... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, đảm bảo an toàn sinh học và thân thiện với môi trường. Đối với lĩnh vực thủy sản tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước sông, suối, hồ chứa, hồ thủy điện; khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản bằng các công nghệ tiên tiến, cụ thể:

- Phát triển chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn tích hợp đa giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, đạt chứng nhận.

- Xây dựng các mô hình chăn nuôi các giống bản địa, tạo vùng nguyên liệu, gắn với du lịch sinh thái.

- Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản nước ngọt bền vững; phát triển nghề nuôi biển, nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ; khai thác và bảo quản sản phẩm hải sản.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí được bố trí hàng năm cho hoạt động khuyến nông theo phân cấp hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, kế hoạch, dự án khác theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kinh phí đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động khuyến nông, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp thông tin tuyên truyền

1.1. Về công tác đào tạo huấn luyện

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông các cấp, tổ khuyến nông cộng đồng; tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, tổ chức quản lý sản xuất, thị trường, chuyển đổi số cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ khuyến nông cộng đồng; nâng cao năng lực thực hành, kiến thức để người nông dân trở thành chủ thể sản xuất hàng hóa thực sự, hình thành tư duy sản xuất kinh tế hàng hoá lớn, chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến; có kiến thức và kỹ năng số, đặc biệt là thương mại điện tử; chủ động thích ứng biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh; có tinh thần trách nhiệm và hợp tác cùng phát triển trong tình hình mới.

- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo tập huấn theo hướng phù hợp với từng đối tượng tiếp cận:

+ Đổi mới phương pháp đào tạo, huấn luyện: Kết hợp lý thuyết với thực hành trực tiếp tại mô hình, trang trại, hợp tác xã để người học “học đi đôi với hành”. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức lớp học trực tuyến qua nền tảng khuyến nông số, giúp tăng khả năng tiếp cận cho nhiều đối tượng. Sử dụng phương pháp đào tạo “nông dân dạy nông dân”, “cán bộ - hợp tác xã - doanh nghiệp đồng hành cùng nông dân”.

+ Ứng dụng chuyển đổi số trong đào tạo: Phát triển hệ thống học liệu trực tuyến (video, bài giảng số, cảm nang điện tử) và kho học liệu mở để người học có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi; thí điểm sử dụng trợ lý ảo, phần mềm quản lý học tập trong các lớp huấn luyện.

+ Xây dựng chương trình và tài liệu đào tạo chuẩn hóa: Biên soạn, cập nhật tài liệu kỹ thuật, sổ tay hướng dẫn, giáo trình số theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, đa phương tiện (video, clip), phù hợp với từng nhóm đối tượng (cán bộ, hợp tác xã, nông dân).

- Tăng cường phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng nội dung, kế hoạch tập huấn phù hợp tình hình thực tế theo định hướng phát triển sản xuất của các địa phương, của ngành.

1.2. Về công tác thông tin tuyên truyền

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông, đảm bảo thông tin đến người sản xuất một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ về chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những định hướng, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Duy trì hệ thống thông tin nông nghiệp, thị trường, giá cả vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp thông tin chuyên ngành về tiên bộ kỹ thuật, quản trị sản xuất, kiến thức thị trường; giới thiệu các mô hình hợp tác, phương thức tổ chức quản lý sản xuất tiên tiến theo hướng nông nghiệp đa giá trị, thích ứng biến đổi khí hậu và liên kết theo chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu những mô hình điển hình, tiêu biểu, hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp trong và ngoài nước như là: cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản; các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao..., gắn với bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng sinh học và ngành nghề nông thôn; quảng bá sản phẩm chủ lực, đặc sản gắn với chương trình OCOP và xây dựng nông thôn mới.

- Phổ biến rộng rãi chương trình khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, giúp người sản xuất hiểu rõ nội dung, mục tiêu và phương thức triển khai. Trong đó, tập trung vào tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp thông tin thị trường và định hướng sản xuất; các hỗ trợ vật chất (giống, vật tư) chỉ mang tính khuyến khích, nhằm tạo động lực để nông dân chủ động tham gia, hợp tác và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

2. Nhân rộng các mô hình có hiệu quả

- Tập trung vào chuyển giao quy trình kỹ thuật, công nghệ tiên tiến cho nhiều hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhằm tạo ra tác động lan tỏa, hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho bà con nông dân, đồng thời đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao về nông sản sạch, chất lượng, cụ thể:

- Lựa chọn mô hình phù hợp: Ưu tiên nhân rộng các mô hình có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, an toàn dịch bệnh, gắn với thị trường và có khả năng liên kết chuỗi giá trị.

- Xây dựng mô hình điểm: Tổ chức mô hình trình diễn tại các vùng sản xuất trọng điểm để nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp có thể trực tiếp tham quan, học tập và áp dụng.

- Chuyển giao đồng bộ kỹ thuật - công nghệ: quy trình kỹ thuật, giải pháp công nghệ tiên tiến, cơ giới hóa, chuyển đổi số vào sản xuất; đồng thời hướng dẫn quản lý sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển phương thức “nông dân dạy nông dân”: Tôn vinh và huy động nông dân sản xuất giỏi, hợp tác xã điển hình làm hạt nhân, hướng dẫn và lan tỏa kinh nghiệm thực tiễn đến cộng đồng.

- Đẩy mạnh thông tin truyền thông: Tổ chức diễn đàn, hội thảo, tham quan, phối hợp với các cơ quan thông tấn xây dựng phóng sự, clip kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn,... để phổ biến mô hình đến nhiều hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác khác.

- Liên kết chuỗi và thị trường: Nhân rộng mô hình gắn liền với xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, liên kết doanh nghiệp tiêu thụ, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm đảm bảo đầu ra ổn định.

3. Giải pháp chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

3.1. Về trồng trọt, lâm nghiệp

- Xây dựng các mô hình trình diễn tiên tiến phù hợp với điều kiện từng vùng bao gồm mô hình công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ sinh học và số hóa quản lý; mô hình nông nghiệp bền vững áp dụng GAP, hữu cơ, đa canh, tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính; mô hình chuỗi giá trị liên kết nông dân - doanh nghiệp - thị trường, gắn sản xuất với truy xuất nguồn gốc và thương hiệu sản phẩm. Mô hình trình diễn đồng thời là công cụ đào tạo và nhân rộng, tối ưu quy mô và đảm bảo hiệu quả thực tiễn.

- Chuyển giao kỹ thuật phù hợp với điều kiện canh tác cũng như nhu cầu của người sản xuất bao gồm triển khai các giống mới kháng bệnh và tiến bộ kỹ thuật thích ứng biến đổi khí hậu nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đồng thời áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng (IPHM), tưới tiết kiệm,... cùng với hỗ trợ nông dân xây dựng các mô hình sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

- Lựa chọn địa điểm và đối tượng triển khai dựa trên khảo sát và đánh giá điều kiện tự nhiên, xã hội, sinh thái cây trồng,... nhằm chọn các địa điểm thuận lợi cho tham quan, học tập và nhân rộng, đồng thời lựa chọn đối tượng triển khai là các hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác có năng lực sản xuất, trình độ thực tiễn và tiềm lực kinh tế, khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm giữa các hộ để nhân rộng mô hình ra cộng đồng.

- Ứng dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật - quản trị bao gồm sử dụng giống và vật tư nông nghiệp có chứng nhận đúng quy định, áp dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, GAP, nông nghiệp hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp và quản lý sức khỏe cây trồng, đồng thời chuyển giao kiến thức về quản trị hợp tác xã, doanh nghiệp, thị trường và xây dựng thương hiệu nông sản, nhằm tối ưu hóa chuỗi sản xuất.

- Huy động nguồn lực, đầu tư và liên kết thị trường bao gồm tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và nhà khoa học tham gia, đồng thời hỗ trợ liên kết tiêu thụ, quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông sản địa phương.

- Đào tạo, huấn luyện và nhân rộng áp dụng phương pháp tiếp cận của người sản xuất, kết hợp đào tạo lý thuyết và thực hành, tổ chức hội thảo, tham quan, tập huấn, video hướng dẫn và sổ tay kỹ thuật số, đồng thời ưu tiên vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số nhằm tăng khả năng tiếp cận kiến thức và công nghệ.

- Hợp tác nghiên cứu và đổi mới khuyến nông xây dựng cơ chế hợp tác nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh - thử nghiệm gắn với nhu cầu thực tiễn địa phương, đồng thời đổi mới phương thức khuyến nông theo nhóm và cộng đồng, lấy hợp tác xã làm nòng cốt, nông dân làm trung tâm, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người dân.

- Chú trọng xây dựng các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng, du lịch sinh thái dưới tán rừng, nuôi trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng và các loại lâm sản ngoài gỗ; tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

- Xác định cơ cấu cây trồng, loài cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu, có giá trị kinh tế cao trên cơ sở phát huy lợi thế của địa phương.

3.2. Về chăn nuôi, thủy sản

- Tập trung chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, đẩy mạnh xây dựng các mô hình khuyến nông chăn nuôi chủ lực theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, công nghệ cao chuyển đổi số, ... bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chủ động phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường; phát triển vật nuôi bản địa, đặc sản, nâng cao năng suất và chất lượng; các mô hình tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác khuyến nông trong lĩnh vực thủy sản theo hướng gắn với thực tiễn sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình có tính ứng dụng cao, nâng cao hiệu quả khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản đặc sản phù hợp với điều kiện địa phương như: nuôi thủy sản theo công nghệ tuần hoàn (RAS), nuôi các loài thủy đặc sản bằng công nghệ biofloc, mô hình nuôi biển bằng lồng HDPE, mô hình nuôi cá lồng bè trên sông/hồ chứa kết hợp du lịch sinh thái.

- Tăng cường hoạt động đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật mới cho người nuôi; ưu tiên liên kết với doanh nghiệp để hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm, xây dựng chuỗi giá trị bền vững. Triển khai các mô hình sẽ được chọn lọc kỹ lưỡng, có đánh giá hiệu quả rõ ràng, từ đó tổ chức nhân rộng theo cụm, vùng sản xuất tập trung.

4. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Các hoạt động khuyến nông áp dụng theo Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành các mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ

quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành về việc cho áp dụng và bãi bỏ các bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng đã ban hành trước khi sáp nhập và các văn bản, quy định liên quan. Đồng thời, xây dựng, tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

- Ngoài ra, căn cứ vào các văn bản của Trung ương và Tỉnh về các chương trình khuyến nông trọng điểm, chính sách hỗ trợ sản xuất, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp, các quy hoạch chung về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, địa phương để xây dựng các mô hình khuyến nông phù hợp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030.

b) Căn cứ Chương trình này và quy định chính sách liên quan, hàng năm, chủ trì xây dựng, phê duyệt Kế hoạch khuyến nông hàng năm (trong đó rà soát, đề xuất điều chỉnh các nội dung cho phù hợp với thực tế để nâng cao hiệu quả của Chương trình). Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có thành tích trong hoạt động khuyến nông.

c) Phối hợp các Sở, Ban ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh, báo cáo kết quả về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, rà soát các cơ chế, chính sách, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi bổ sung, ban hành phù hợp với điều kiện thực tế và nâng cao hiệu quả trong hoạt động khuyến nông.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện huy động các nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia Chương trình Khuyến nông theo quy định.

e) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.

g) Theo dõi, hướng dẫn UBND các xã, phường và đặc khu tổ chức thực hiện; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình khuyến nông, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và đặc khu; căn cứ kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí theo

quy định Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Ưu tiên xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, nông nghiệp số) nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ Chương trình Khuyến nông; hỗ trợ tư vấn các giải pháp khoa học và công nghệ đưa vào áp dụng trong Chương trình này.

4. Báo và Phát thanh truyền hình Lâm Đồng: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời đưa tin, tuyên truyền về các mô hình điển hình tiên tiến, hoạt động khuyến nông hiệu quả.

5. UBND các xã, phường, đặc khu

a) Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến nông giai đoạn 2026 – 2030 và điều kiện của địa phương xây dựng kế hoạch khuyến nông, đồng thời cân đối, bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động khuyến nông tại địa phương.

b) Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trực thuộc các xã, phường và đặc khu tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch khuyến nông địa phương; đồng thời phối hợp với Trung tâm Khuyến nông triển khai thực hiện hoạt động khuyến nông tại địa phương đạt hiệu quả.

c) Hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu Chương trình khuyến nông tỉnh giai đoạn 2026-2030 phát sinh những vấn đề không còn phù hợp, vấn đề mới cần điều chỉnh để có bảo đảm có hiệu quả Sở Nông nghiệp và Môi trường kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục:
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày..... tháng 12 năm 2025
của UBND tỉnh Lâm Đồng)

TT	Tên Chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Địa điểm	Dự kiến kết quả
A	Chương trình đào tạo và thông tin tuyên truyền				
I	Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo				
1	Nâng cao năng lực cho đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp				
1.1	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông	Nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ, kiến thức chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới	20 lớp	Toàn tỉnh	Đào tạo nâng cao năng lực cho khoảng 600 lượt cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cơ bản cán bộ khuyến nông, cán bộ làm công tác nông nghiệp có khả năng ứng dụng chuyển đổi số trong công tác, đáp ứng yêu cầu công việc.
1.2	Học tập trao đổi kinh nghiệm	Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ cán bộ khuyến nông các cấp, thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng và nông dân có điều kiện tiếp cận các mô hình mới, có hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức, áp dụng vào thực tiễn sản xuất	150 cuộc	Trong và Ngoài tỉnh	Tạo điều kiện cho khoảng 4.500 lượt cán bộ cán bộ khuyến nông các cấp, thành viên Tổ Khuyến nông cộng đồng và nông dân học tập được kiến thức mới, cách làm hay và có thể áp dụng vào thực tiễn sản xuất.
1.3	Tập huấn kỹ thuật cho nông dân	Nhằm giúp nông dân được tiếp cận thông tin mới về tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thực tiễn sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi qua đó nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho nông dân.	>2.000 lớp	Toàn tỉnh	Tập huấn, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho >60.000 lượt người tham dự.

1.4	Bồi dưỡng, nâng cao năng lực, bổ sung kiến thức chuyên môn cho Tổ khuyến nông cộng đồng	Nhằm nâng cao năng lực, kiến thức chuyên môn và hiệu quả hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ đào tạo tập huấn, tham quan học tập chuyên sâu về kỹ thuật và nghiệp vụ, phương pháp hoạt động khuyến nông, phát triển thị trường,...	20 lớp	Toàn tỉnh	Hỗ trợ khoảng 600 lượt thành viên các tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả hơn, góp phần thúc đẩy và phát triển nền nông nghiệp tại địa phương.
2	Xây dựng học liệu khuyến nông				
2.1	In ấn tài liệu kỹ thuật, sổ tay Khuyến nông, sổ hóa tài liệu kỹ thuật	Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật ngắn gọn, dễ hiểu, dễ áp dụng nhằm giúp nông dân tiếp cận, nắm bắt và thực hành đúng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế và đảm bảo an toàn thực phẩm.	> 50.000 tài liệu kỹ thuật	Trong tỉnh	In ấn tài liệu kỹ thuật phát tay gửi đến cho > 50.000 lượt người dân, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Số hóa tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo, tuyên truyền cho người dân.
2.2	Xây dựng các video, clip, tài liệu kỹ thuật thông tin tuyên truyền	Đưa nhanh khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất đến với người dân. Đồng thời phục vụ công tác đào tạo tập huấn Khuyến nông.	>100 video/clip	Trong tỉnh	Các video, tài liệu kỹ thuật, tuyên truyền được phục vụ đào tạo tập huấn theo hình thức trực tiếp, gián tiếp và đăng tải trên các kênh truyền thông của đơn vị.
II	Thông tin tuyên truyền				
1	Truyền thông về nông nghiệp và khuyến nông theo hình thức truyền thống				
1.1	Bản tin số Khuyến nông Lâm Đồng	Chuyển tải thông tin về chủ trương, chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến, các mô hình hay, mô hình hiệu quả trong sản xuất và gương sản xuất giỏi nhanh chóng, kịp thời đến người dân	10 số	Trong tỉnh	Đăng tải Bản tin số khuyến nông 02 số/năm.

1.2	Tọa đàm, tư vấn kỹ thuật	Tạo điều kiện cho các nhà quản lý, chuyên môn và doanh nghiệp đối thoại trực tiếp với nông dân nhằm tháo gỡ những khó khăn, giải đáp những thắc mắc cho bà con nông dân về tình hình dịch bệnh, sâu bệnh hại cây trồng, vật nuôi,...	>500 cuộc	Trong tỉnh	Giải đáp cho khoảng 50.000 lượt nông dân những thắc mắc về tình hình dịch bệnh, sâu bệnh hại cây trồng, vật nuôi,... trên địa bàn tỉnh.
1.3	Diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp	Trao đổi, đối thoại, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, chủ trương, chính sách trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và hoạt động khuyến nông với đại diện các tổ chức, cá nhân, nông dân trên địa bàn tỉnh	20 cuộc	Trong tỉnh	Trao đổi, chia sẻ, giải đáp cho khoảng 4.000 lượt đại biểu tham dự về các nội dung chủ đề liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp trên đại bàn tỉnh.
1.4	Xây dựng tuyên truyền quảng bá cùng Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng	Phối hợp xây dựng các phóng sự khuyến nông, phục vụ thông tin nhanh tình hình hoạt động trên kênh thông tin truyền thông đại chúng.	20 chuyên mục/bài viết	Trong tỉnh	Đưa thông tin hữu ích, đa dạng, kịp thời về các lĩnh vực của ngành khuyến nông (các mô hình điển hình, tiên tiến; các tin tức, hoạt động khuyến nông; gương sản xuất giỏi, khuyến nông cộng đồng, ...)
1.5	Tuyên truyền, hội thảo tổng kết các mô hình khuyến nông	Thông tin, chia sẻ để nhân rộng các kết quả đạt được của các mô hình khuyến nông đến với người dân tại địa phương, từ đó người dân có thể học tập, áp dụng vào thực tế sản xuất tại gia đình, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế.	>200 cuộc	Trong tỉnh	Tổ chức cho >8.000 lượt người tham dự các cuộc hội thảo nhân rộng các kết quả đạt được của các mô hình khuyến nông
2	Truyền thông về nông nghiệp và khuyến nông theo hình thức truyền thông điện tử				
2.1	Trang Web Khuyến nông Lâm Đồng	Đăng tải chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và khuyến nông. Tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh, các kết quả hoạt động của ngành nông nghiệp; đăng tải thông tin	Duy trì 01 trang Web;	Trong tỉnh	Duy trì hoạt động thường xuyên của trang web; Đăng tải khoảng 1.000 tin, bài và khoảng 4.000 hình ảnh, video, clip có liên quan đến ngành nông nghiệp.

		nông nghiệp, thị trường giá cả nông sản và vật tư nông nghiệp hàng tuần/tháng...			
2.2	Ứng dụng Chuyển đổi số trong công tác khuyến nông	Tăng hiệu quả truyền thông, thông tin; cải thiện, tối ưu hóa các qui trình hoạt động: hội họp; tập huấn; hội thảo ... đảm bảo được tính cập nhật liên tục, tức thì, và mở rộng đối tượng, phạm vi tiếp nhận thông tin.	02 phần mềm	Trong tỉnh	Duy trì 01 phần mềm Zoom bản quyền phục vụ họp/tập huấn trực tuyến và 01 phần mềm dựng phim/video bản quyền CapCut Pro sử dụng trong công tác khuyến nông.
B	Xây dựng và nhân rộng mô hình				
I	Lĩnh vực Trồng trọt – Lâm nghiệp				
1	Phát triển sản xuất cây lương thực, cây hoa màu (Trừ cây rau) thích ứng biến đổi khí hậu gắn với tăng trưởng xanh	Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nhằm phát triển bền vững các loại cây lương thực và cây hoa màu chủ lực, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, xuất khẩu. Đồng thời, xây dựng và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh như tưới – bón phân tự động, IoT, cảm biến giám sát sinh trưởng và cơ giới hóa đồng bộ để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất – nước – năng lượng. Từ đó giúp giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn thực phẩm và cải thiện thu nhập cho nông dân, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại và bền vững. - Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm cây trồng; - Tăng cường khả năng thích ứng của sản xuất nông nghiệp trước biến đổi khí hậu; - Thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp bền	≥ 600 ha	Toàn tỉnh	- Trong 600 ha tập trung xây dựng khoảng 200 ha mô hình các cây lương thực, hoa màu chính theo hướng phát triển bền vững và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất. - Tăng chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế tăng > 15% so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). - Ứng dụng thành công các quy trình canh tác tiên tiến, phân bón và giảm phát thải phù hợp với từng vùng sinh thái. - Ứng dụng các giải pháp nông nghiệp thông minh như IoT, cảm biến môi trường, hệ thống tưới – bón phân tự động, drone phun thuốc và trí tuệ nhân tạo (AI) trong giám sát – dự báo dịch hại nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cây lương thực và cây hoa màu. - Tăng năng suất cây trồng trên 10% so với phương thức canh tác truyền

		vững, thân thiện với môi trường; - Cải thiện thu nhập và đời sống của nông dân; - Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và tiêu thụ nông sản.			thống. - Giảm phát thải khí nhà kính thông qua tối ưu hóa đầu vào và áp dụng năng lượng tái tạo.
2	Phát triển cây rau, hoa theo hướng an toàn, chất lượng và bền vững	Đẩy mạnh sản xuất rau, hoa theo hướng an toàn, chất lượng, hiệu quả và bền vững, gắn với tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường ổn định; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị hàng hóa và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu. - Phân đầu hình thành các vùng sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP, đồng thời xây dựng và phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh trong sản xuất như nhà kính, nhà màng, hệ thống tưới – bón phân tự động, IoT và cảm biến giám sát nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; tối ưu hóa chi phí; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất – nước – năng lượng; giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường sinh thái. - Từng bước xây dựng chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ rau, hoa an toàn, góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng thu nhập và đời sống bền vững cho người sản xuất; hướng tới nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, có sức cạnh tranh cao và thích ứng với biến đổi khí hậu.	> 100 ha	Toàn tỉnh	- Xây dựng khoảng 50 ha mô hình sản xuất rau theo tiêu chuẩn GAP tại những khu vực trọng điểm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng khoảng 10 ha mô hình sản xuất hoa tập trung, gắn với thương hiệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Hình thành vùng sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh diện tích tối thiểu 5 ha nâng cao sức cạnh tranh và thương hiệu nông sản. - Ứng dụng thành công các giải pháp nông nghiệp thông minh như: IoT, cảm biến môi trường, hệ thống tưới và bón phân tự động, trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo dịch hại. - Tăng hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ tùy vào từng loại mô hình so với thực tế sản xuất đại trà. - Hình thành liên kết bền vững giữa doanh nghiệp – hợp tác xã – nông dân, gắn sản xuất với chế biến và thị trường. - Giảm phát thải khí nhà kính thông qua tối ưu hóa đầu vào và áp dụng

					năng lượng tái tạo.
3	Phát triển sản xuất bền vững cây công nghiệp dài ngày thích ứng biến đổi khí hậu gắn với tăng trưởng xanh	Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật (giống, kỹ thuật canh tác, gói kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh, tưới nước tiết kiệm, quản lý sức khỏe đất và cây trồng...) trong sản xuất cây công nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất. - Thúc đẩy phát triển mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, ổn định thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững một số ngành hàng chủ lực Xây dựng các mô hình có tính thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tài nguyên đất – nước – đa dạng sinh học.	> 4.000 ha	Toàn tỉnh	- Xây dựng khoảng 4.000 ha các mô hình thâm canh, xen canh,...; ứng dụng công nghệ cao; các mô hình quản lý sức khỏe đất, cây trồng theo hướng bền vững, gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Duy trì và phát triển các vùng sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao, nâng cao sức cạnh tranh và thương hiệu nông sản. - Ứng dụng thành công các giải pháp nông nghiệp thông minh như: IoT, cảm biến môi trường, hệ thống tưới và bón phân tự động, drone phun thuốc, trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo dịch hại. - Chất lượng các cây trồng được nâng cao. Hiệu quả kinh tế các mô hình tăng tối thiểu 15% so với sản xuất ngoài mô hình. - Giảm sử dụng phân bón hóa học và thuốc BVTV, thay thế bằng phân hữu cơ, chế phẩm sinh học. - Nâng cao nhận thức và kỹ năng của nông dân trong sản xuất nông nghiệp bền vững. - Giảm phát thải khí nhà kính thông qua tối ưu hóa đầu vào và áp dụng năng lượng tái tạo.
4	Phát triển sản xuất bền vững cây ăn quả	Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới nhằm thúc đẩy sản xuất một số cây ăn quả chủ lực theo hướng bền vững, an toàn, gắn với liên	> 500 ha	Toàn tỉnh	-Xây dựng khoảng 500 ha mô hình sản xuất cây ăn quả thâm canh, theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,

		kết tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, xây dựng và phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh trong sản xuất như tưới – bón phân tự động, quản lý dinh dưỡng bằng cảm biến, giám sát sinh trưởng bằng IoT... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản; tối ưu hóa chi phí và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất – nước – năng lượng; góp phần giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường sinh thái. - Phát triển sản xuất cây ăn quả gắn với du lịch sinh thái; nâng cao nhận thức của người dân về tổ chức sản xuất an toàn, bền vững, xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, có khả năng cạnh tranh cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế.			hữu cơ...; tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. - Duy trì và phát triển các vùng sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao, nâng cao sức cạnh tranh và thương hiệu nông sản. - Ứng dụng thành công các giải pháp nông nghiệp thông minh như: IoT, cảm biến môi trường, hệ thống tưới và bón phân tự động, drone phun thuốc, trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo dịch hại. - Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm cây ăn quả, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. - Tổ chức sản xuất liên kết chuỗi bền vững, gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Hiệu quả kinh tế các mô hình khi cho thu hoạch tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình. - Giảm phát thải khí nhà kính thông qua tối ưu hóa đầu vào và áp dụng năng lượng tái tạo
5	Phát triển cây đặc sản, cây gia vị, cây dược liệu thành vùng nguyên liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm	Xây dựng và phát triển mô hình trồng cây đặc sản, cây gia vị và cây dược liệu thành vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị hàng hóa; đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; đồng thời bảo tồn và phát huy các nguồn gen bản địa, sử dụng hợp lý tài nguyên đất – nước, góp	>50 ha	Toàn tỉnh	- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung, ổn định và có quy hoạch, đáp ứng nhu cầu chế biến và tiêu thụ. - Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm của cây đặc sản, cây gia vị, cây dược liệu. - Gắn kết sản xuất với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ, xây dựng chuỗi

		phần phát triển nông nghiệp hàng hóa bền vững gắn với xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị sản phẩm.			giá trị bền vững. - Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong canh tác, bảo quản, chế biến để nâng cao hiệu quả sản xuất. - Bảo tồn và phát huy nguồn gen quý của các loài cây đặc sản, cây gia vị, cây dược liệu bản địa. - Xây dựng được chuỗi liên kết bền vững từ sản xuất – chế biến – tiêu thụ.
6	Phát triển nông lâm kết hợp thích ứng biến đổi khí hậu; trồng xen cây lâm nghiệp trên đất nông nghiệp; trồng cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng; trồng cây dược liệu và trồng nấm.	- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trồng cây lâm nghiệp đa mục đích, cây dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm một số loài lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu có giá trị kinh tế cao.	> 50 ha	Toàn tỉnh	- Xây dựng và nhân rộng thành công khoảng 50 ha các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu; - Góp phần cải thiện vi khí hậu, bảo vệ nguồn nước và tăng độ che phủ rừng. - Bảo tồn đa dạng sinh học, tận dụng tầng tán rừng. - Tăng khả năng chống chịu thiên tai, hạn hán và xói mòn đất. - Tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, phục vụ ngành dược phẩm và y học cổ truyền. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 10\%$ so với quy mô được phê duyệt.
II Lĩnh vực Chăn nuôi – Thủy sản					
1	Phát triển chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn tích hợp đa giá trị	- Xây dựng các mô hình chăn nuôi hữu cơ nhằm tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng về thực phẩm chất lượng cao.	>100.000 con	Toàn tỉnh	- Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 10 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

		- Thúc đẩy các mô hình sản xuất theo chu trình khép kín, xử lý chất thải hiệu quả và biến phụ phẩm chăn nuôi thành nguồn phân bón, tái sử dụng trong trồng trọt nhằm bảo vệ môi trường và thúc đẩy kinh tế bền vững. - Phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, bảo đảm đầu ra, và hướng đến phát triển bền vững.			- Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 15 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm tuần hoàn. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô được phê duyệt.
2	Phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, đạt chứng nhận	Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, chăn nuôi an toàn sinh học, xây dựng nhân hiệu sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, sữa, tăng giá trị, cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.	>150.000 con	Toàn tỉnh	- Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 20 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 25 mô hình mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm an toàn sinh học. - Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 10 mô hình cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh trâu bò được ngoại có năng suất chất lượng cao để nâng cao chất lượng đàn bò cái nền địa phương. - Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 10 mô hình vỗ béo trâu, bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với

					quy mô được phê duyệt.
3	Phát triển chăn nuôi các giống vật nuôi bản địa, tạo vùng nguyên liệu, gắn với du lịch sinh thái	Phát triển các giống vật nuôi bản địa, tạo vùng nguyên liệu, chăn nuôi gắn với du lịch sinh thái nhằm bảo tồn, phát triển và khai thác tối đa giá trị sản phẩm địa phương.	> 2.500 con	Toàn tỉnh	- Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 30 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm, tằm, ong mật... gắn với thị trường tiêu thụ. - Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 5 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm bản địa, tạo vùng nguyên liệu, gắn với du lịch sinh thái. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô được phê duyệt.
4	Phát triển mô hình chăn nuôi gắn với các chương trình mục tiêu Quốc gia, an ninh quốc phòng, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Phát triển các mô hình chăn nuôi để tạo sinh kế cho người dân ở vùng cao, vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, đặc khu thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.	> 50.000 con	Toàn tỉnh	- Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 25 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm, tằm, ong mật... tạo sinh kế cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, đặc khu. - Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 15 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm thích ứng với biến đổi khí hậu. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô phê duyệt.
5	Phát triển, nuôi trồng thủy sản nước ngọt bền vững	Khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước sông, suối, hồ chứa, hồ thủy điện, thủy lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản tạo ra nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, có giá trị kinh tế cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.	>50 ha; >10.000 m ³ bể nuôi, lồng nuôi	Toàn tỉnh	- Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 50 mô hình phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt bền vững. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình.

					- Nhân rộng $\geq 20\%$ so với quy mô được phê duyệt.
6	Phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ; khai thác và bảo quản sản phẩm hải sản	- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới tiên tiến thích ứng biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ hiệu quả, bền vững, tạo ra các sản phẩm thủy sản có giá trị kinh tế cao phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. - Nâng cao hiệu quả khai thác, bảo quản thủy hải sản thông qua ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, cơ giới hóa, hiện đại hóa trên tàu cá.	>10 ha; > 10.000 m ³ lồng nuôi	Các xã vùng ven biển và Đặc khu	- Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 25 mô hình phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ. - Xây dựng thành công và nhân rộng khoảng 10 mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa, hiện đại hóa trên tàu cá. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng $\geq 20\%$ so với quy mô được phê duyệt.